TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q , TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Nhật Quang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Chương.
Bà Đỗ Thị Kim Chinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q , tỉnh Q .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q , tỉnh Q tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q , tỉnh Q , xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Diệu T , sinh năm 1997; địa chỉ: Khu T3, phường T, thị xã Q , tỉnh Q ; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 , sinh năm 1994; địa chỉ: Khu T3, phường T, thị xã Q , tỉnh Q ; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Diệu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn vào ngày 17/02/2017, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã Q , tỉnh Q . Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T1 không quan tâm đến vợ con nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn chị

đã cho anh T1 cơ hội thay đổi nhưng anh T1 không làm được. Gia đình nội ngoại hai bên đã khuyên giải cho cả hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 07/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 .

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn T1 không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Q đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Quá trình xác minh tại Khu Thống Nhất 3, đại diện khu cho biết: Chị Bùi Diệu T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã Q , tỉnh Q . Quá trình chung sống cả hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế, không tu chí làm ăn. Chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018. Cháu Đ là cháu gái và còn nhỏ nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho phù hợp.

Kết quả xác minh tại gia đình anh T1 , bà Phạm Thị T2 là mẹ đẻ của anh T1 cho biết: Chị Bùi Diệu T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã Q , tỉnh Q . Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn, vợ chồng không đồng lòng. Gia đình đã khuyên giải cho cả hai nhưng không hòa giải được mâu thuẫn. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2018. Nay cả hai không có khả năng quay lại thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018. Cháu Đ hiện đang ở cùng với Chị T . Do cháu Đ là con gái và còn nhỏ tuổi nên nếu cả hai ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giao cho Chị T nuôi con. Anh T1 sẽ có trách nhiệm chu cấp thêm cho Chị T nuôi con.

Tại phiên toà Chị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn chị trình bày vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Tòa án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Diệu T , giải quyết cho Chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 . Giao cháu là Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018 cho chị Bùi Diệu T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Diệu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T1 , có địa chỉ tại Khu T3, phường T, thị xã Q , tỉnh Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Q . Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do; chị Bùi Diệu T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Diệu T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã Q , tỉnh Q ngày 17/02/2017. Nên hôn nhân giữa Chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị T , anh T1 chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Chị T và anh T1 cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T1 về việc Chị T có yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, nhưng anh T1 không đến làm việc, không thể hiện quan điểm. Tòa án triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết Chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T1 . Như vậy, hôn nhân giữa Chị T với anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là vợ chồng

sống yêu thương nhau, cùng nhau chăm lo, xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T , giải quyết cho Chị T được ly hôn với anh T1 là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018. Cháu hiện do Chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), Chị T có điều kiện và có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018 cho Chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Diệu T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Diệu T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi Diệu T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Diệu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 .

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Linh Đ , sinh ngày 29/6/2018 cho chị Bùi Diệu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Diệu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001560 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q , tỉnh Q .

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Diệu T và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đều vắng mặt. Báo cho các đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Q;
- TAND tỉnh Q ;
- VKSND tỉnh Q ;
- Chi cục THADS TX. Q;
- UBND P. Tân An, TX. Q
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Nhật Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Nhật Quang